

Bản án số: 94/2021/DS-ST

Ngày: 23/11/2021

V/v Tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **NGUYỄN TRUNG TÍNH**

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN**

2. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TUỜNG**

- Thư ký phiên tòa: Bà **PHẠM THỊ KIM LIÊU** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **NGUYỄN THANH BÌNH** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 313/2021/TLST-DS ngày 02/10/2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2021/QĐST-DS ngày 05/11/2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **NGUYỄN THỊ M**, sinh năm: 1978

Địa chỉ: ấp MH, xã MT, huyện CB, tỉnh TG.

* Bị đơn: Bà **TRƯƠNG THỊ Đ**, sinh năm: 1969

Ông **NGUYỄN VĂN B**, sinh năm: 1969

Cùng địa chỉ: ấp MH, xã MT, huyện CB, tỉnh TG.

(Bà M có mặt tại phiên tòa, bà Đ, ông B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và các ý kiến trình bày tại Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Ông Nguyễn Văn B và bà Trương Thị Đ và bà có quan hệ bà con, ngày 02/8/2016 bà có cho vợ chồng bà Đ và ông B vay 50.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ, phía ông B và bà Đ không có khả năng thanh toán nên xin trả lãi từ ngày 02/8/2017 đến ngày 02/8/2018 trả được 12.000.000 đồng tiền lãi thì ngưng luôn. Đến hạn trả vốn bà yêu cầu nhiều lần nhưng ông B, bà Đ không trả.

Ngoài ra bà có làm đầu thảo hụi, vợ chồng bà Đ, ông B có tham gia tư cách hụi viên, dây hụi mùa 5.000.000 đồng, 03 tháng khui hụi 01 lần, khui ngày 15/7/2015 âm lịch, gồm 14 hụi viên, ông B, bà Đ đã hót xong dây hụi này, còn nợ lại tiền hụi chết là 12.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Nay bà yêu cầu bà Đ và ông B cùng trách nhiệm trả số tiền nợ vay là 50.000.000 đồng và số tiền nợ hụi là 12.000.000 đồng, chi phí giám định là 5.000.000 đồng, đồng thời bà xin rút lại yêu cầu tính lãi suất là 0,83%/tháng trên số tiền 50.000.000 đồng từ ngày 02/9/2018 đến ngày xét xử.

** Bị đơn bà Trương Thị Đ và ông Nguyễn Văn B trình bày như sau:*

Ông bà xác định có tham gia 01 dây hụi 5.000.000 đồng đúng như bà M trình bày và có nợ số tiền hụi chết là 12.000.000 đồng.

Còn về phần tiền nợ bà M kiện là 50.000.000 đồng và có cung cấp 01 biên nhận nợ đề ngày 02/8/2016, sau khi xem qua biên nhận nợ này, ông bà xác định không có nợ số tiền 50.000.000 đồng và cũng không biết gì về biên nhận này, ông bà xác định không có ký tên vào biên nhận, chữ ký trong biên nhận không phải của ông bà.

Nay ông, bà chỉ đồng ý trả số tiền nợ hụi là 12.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền nợ vay là 50.000.000 đồng và các yêu cầu còn lại của bà M.

Tại phiên tòa bà M yêu cầu bà Đ và ông B cùng trách nhiệm trả số tiền nợ vay là 50.000.000 đồng, số tiền nợ hụi là 12.000.000 đồng và chi phí giám định là 5.000.000 đồng, tổng cộng là 67.000.000 đồng, đồng thời bà xin rút lại yêu cầu tính lãi suất là 0,83%/tháng trên số tiền 50.000.000 đồng từ ngày 02/9/2018 đến ngày xét xử.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa :*

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án:

Qua nghiên cứu hồ sơ thể hiện: Ngày 02/8/2016, vợ chồng bà Đ, ông B viết giấy vay của bà M, số tiền 50.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ vay. Theo bà M thời hạn vay là 01 năm từ 02/8/2017 đến 02/8/2018, bà Đ, ông B đã trả lãi được 12.000.000 đồng. Do bà Đ, ông B vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay bà M khởi kiện yêu cầu bà Đ, ông B liên đới trả số tiền nợ vay là 50.000.000 đồng, chịu lãi suất 0.83%/ tháng kể từ ngày 02/9/2018. Ngoài ra bà M yêu cầu bà Đ, ông B trả 12.000.000 đồng tiền nợ 02 kỳ hụi, hụi khai vào năm 2015.

Đối với yêu cầu khởi kiện trả 50.000.000 đồng nợ vay bà Đ, ông B xác định không có vay số tiền này, phủ nhận biên nhận nợ vay do bà M cung cấp cho Tòa án, còn đối với số tiền hụi 12.000.000 đồng thì đồng ý trả.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà M là có cơ sở để chấp nhận toàn bộ vì theo kết luận giám định lại số 1705/C09B ngày 23/4/2021 của Phân viện khoa học Hình sự tại TP. Hồ Chí Minh xác định chữ ký trong biên nhận do bà M cung cấp là của bà Đ và ông B, chứng minh cho việc bà Đ, ông B vay của bà M 50.000.000 đồng. Ngoài ra, bà Đ, ông B đồng ý trả số tiền nợ hụi 12.000.000 đồng cho bà M. Từ đó có căn cứ buộc bà Đ, ông B liên đới trả số tiền nợ vay là 50.000.000 đồng và nợ hụi là 12.000.000 đồng cho bà M.

Đối với yêu cầu tính lãi suất 0.83%/tháng từ ngày 02/9/2018, tại phiên tòa bà M rút yêu cầu khởi kiện này. Căn cứ Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà M.

Ngoài ra bà M còn yêu cầu bà Đ, ông B chịu chi phí giám định chữ ký là 5.000.000 đồng, do kết luận giám định xác định chữ ký trong biên nhận là của bà Đ, ông B nên chấp nhận yêu cầu này của bà M theo quy định tại Điều 161 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Buộc bà Đ, ông B trả lại cho bà M chi phí giám định là 5.000.000 đồng.

Căn cứ Điều 288; Điều 463; Điều 466; Điều 469 Bộ luật Dân sự; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Điều 92; Điều 161; Khoản 2 Điều 244; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M. Buộc bà Trương Thị Đ; Nguyễn Văn B liên đới trả số tiền nợ vay 50.000.000 đồng và tiền nợ hụi 12.000.000 đồng cho bà M.

Buộc bà Trương Thị Đ; Nguyễn Văn B liên đới trả lại cho bà M số tiền chi phí giám định là 5.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện đã rút về tính lãi suất của bà Nguyễn Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng :

- Phía bị đơn bà Trương Thị Đ và ông Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử vắng mặt ông, bà là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị M với bà Trương Thị Đ và ông Nguyễn Văn B là tranh chấp “hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại các Điều 463, 466, 469 và 471 của Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung vụ kiện :

Phía nguyên đơn xác định bị đơn ông Nguyễn Văn B và bà Trương Thị Đ vào ngày 02/8/2016 có vay của nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ, phía ông B và bà Đ không có khả năng thanh toán nên xin trả lãi từ ngày 02/8/2017 đến ngày 02/8/2018 trả được 12.000.000 đồng tiền lãi thì ngưng luôn. Đến hạn trả vốn nguyên đơn yêu cầu nhiều lần nhưng phía bị đơn không trả.

Ngoài ra nguyên đơn có làm đầu thảo hui, vợ chồng bị đơn có tham gia tư cách hui viên, dây hui mùa 5.000.000 đồng, 03 tháng khai hui 01 lần, khai ngày 15/7/2015 âm lịch, gồm 14 hui viên, ông B, bà Đ đã hót xong dây hui này, còn nợ lại tiền hui chết là 12.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Nay phía nguyên đơn yêu cầu bà Đ và ông B cùng trách nhiệm trả số tiền nợ vay là 50.000.000 đồng và số tiền nợ hui là 12.000.000 đồng, chi phí giám định là 5.000.000 đồng, đồng thời nguyên đơn xin rút lại yêu cầu tính lãi suất là 0,83%/tháng trên số tiền 50.000.000 đồng từ ngày 02/9/2018 đến ngày xét xử.

Còn phía bị đơn bà Trương Thị Đ và ông Nguyễn Văn B đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do. Tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 27/10/2020 do tòa án lập có ý kiến xác định có nợ số tiền hui chết là 12.000.000 đồng, Còn về phần tiền nợ bà M kiện là 50.000.000 đồng và có cung cấp 01 biên nhận nợ đề ngày 02/8/2016, sau khi xem qua biên nhận nợ này, ông bà xác định không có nợ số tiền 50.000.000 đồng và cũng không biết gì về biên nhận này, ông bà xác định không có ký tên vào biên nhận, chữ ký trong biên nhận không phải của ông bà. Nay ông bà chỉ đồng ý trả số tiền nợ hui là 12.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền nợ vay là 50.000.000 đồng và các yêu cầu còn lại của bà M.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận bởi lẽ:

Đối với phần nợ hui cả hai bên đều thống nhất bị đơn còn nợ lại 12.000.000 đồng hui chết nên bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền này là phù hợp theo quy định pháp luật.

Đối với phần nợ vay số tiền là 50.000.000 đồng, phía nguyên đơn có cung cấp 01 biên nhận nợ đề ngày 02/8/2016 và xác định bị đơn có nợ và có ký tên vào biên nhận để xác định công nợ. Còn bị đơn thì xác định không biết gì về biên nhận này, không có ký tên vào biên nhận, và xác định không nợ nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng nên không đồng ý trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ từ hồ sơ thụ lý số 239/2020/TLST ngày 01/7/2020 do thẩm

phán Võ Ngọc G giải quyết và yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký của ông B, bà Đ trong biên nhận ngày 02/8/2016 với chữ ký ông B, bà Đ trong các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thụ lý số 239/2020/TLST ngày 01/7/2020 cụ thể là trong biên nhận đề ngày 15/8/2018 và biên bản hòa giải không thành ngày 31/5/2020. Phía tòa án đã tiến hành thủ tục trưng cầu giám định theo yêu cầu của nguyên đơn tại Viện khoa học hình sự thuộc phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả giám định số 1705/C09B ngày 23/4/2021 của Viện khoa học hình sự thuộc phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận chữ ký Đ và B trong biên nhận ngày 02/8/2016 và các chữ ký Đ và B trong biên nhận đề ngày 15/8/2018 và biên bản hòa giải không thành ngày 31/5/2020 là do cùng 01 người ký ra, tức là do ông B và bà Đ ký. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận ông B và bà Đ là người xác lập biên nhận nợ ngày 02/8/2016 cho bà M nên ông bà phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nợ gốc cho bà M, đồng thời phải chịu chi phí giám định cho bà M là phù hợp theo quy định, vì vậy đối với lời khai nại của ông B, bà Đ là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử xem xét.

Như vậy đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ là 50.000.000 đồng, số tiền hui là 12.000.000 đồng, chi phí giám định là 5.000.000 đồng, tổng cộng là 67.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp theo quy định nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Phía nguyên đơn xin rút lại yêu cầu về việc yêu cầu tính lãi suất là 0,83%/tháng trên số tiền nợ là 50.000.000 đồng (lãi suất từ ngày 02/9/2018 đến ngày xét xử). Xét thấy đây là sự tự nguyện của phía nguyên đơn phù hợp theo quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí:

Bà Đ và ông B có trách nhiệm trả nợ cho bà M nên ông, bà phải chịu án phí theo quy định của pháp luật (riêng phần chi phí giám định là 5.000.000 đồng là chi phí tố tụng nên bà Đ, ông B không phải chịu án phí trên số tiền này).

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 161, 217, 227, 235, 243, 244, 266, 267 và 271 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 288, 463, 466, 469, 471, 357 và 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hui, biên, phường.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Trương Thị Đ cùng trách nhiệm trả số tiền tổng cộng là 67.000.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu đồng), trong đó tiền nợ hui là 12.000.000 đồng, nợ vay là 50.000.000 đồng và chi phí giám định là 5.000.000 đồng.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Trương Thị Đ cùng trách nhiệm trả số tiền lãi suất là

0,83%/tháng trên phần nợ 50.000.000 đồng (lãi tính từ ngày 02/9/2018 đến ngày 23/11/2021).

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Đ, ông B chậm thi hành đối với phần tiền nợ nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 của bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

* Về án phí:

+ Ông Nguyễn Văn B và bà Trương Thị Đ phải chịu 3.100.000 đồng án phí DSST.

+ Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị M 1.550.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004031 ngày 02/10/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

* Về quyền kháng cáo : Bà M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông B và bà Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN TRUNG TÍNH